

CHIẾN LƯỢC BIỂN CỦA TRUNG QUỐC ĐẦU THẾ KỶ XXI VÀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG

NGUYỄN QUANG NGỌC*

1. Chiến lược biển của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI

Trung Quốc mở đầu lịch sử của mình từ “cái nôi” là vùng trung lưu sông Hoàng Hà với hai hệ thống văn hóa thuộc Hậu kỳ thời đại đá mới là Văn hóa Ngưỡng Thiêu (Hà Nam) và Văn hóa Long Sơn (Sơn Đông). Sự phì nhiêu của đất đai trên các triền sườn đã làm cơ sở nẩy sinh và phát triển nền văn minh nông nghiệp định cư với độ mật tập dân số cao và tư tưởng “dī nōng vi bǎn”. Nền văn minh đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc là Văn minh Hoa Hạ. Trung Quốc cổ đại được quan niệm là một thế giới đất đai nằm dưới vòm trời bao la, nên gọi là Thiên hạ. Bên ngoài Thiên hạ là biển và biển hoàn toàn nằm ngoài, không thuộc Trung Quốc. Suốt trong quá trình phát triển cho đến đầu thế kỷ XX, Trung Quốc vẫn hoàn toàn chỉ là một đại đế chế lục địa quay lưng ra biển.

Thư tịch và bản đồ cổ của Trung Quốc tính cho đến những năm cuối thập kỷ đầu của thế kỷ XX đều phản ánh một thực tế hết sức hiển nhiên là vùng lãnh thổ, lãnh hải truyền thống của Trung Quốc chưa bao giờ vượt quá đảo Hải Nam.

Lúc đầu trước sức ép của các nước tư bản phương Tây, chính quyền nhà Thanh

chủ trương đóng cửa tự thủ. Dần dần họ mới bắt đầu ý thức được rằng để bảo vệ an toàn vùng lãnh thổ duyên hải, các cửa khẩu và các hải đảo quan trọng, Trung Quốc cần phải phòng thủ từ xa, phòng thủ vòng ngoài để hỗ trợ cho việc phòng thủ chủ yếu ở bên trong. Tuy thấy được sự cần thiết phải tiến ra biển khơi, song trong hoàn cảnh lúc đó Trung Quốc khó có thể giũ nổi vùng nội địa đất liền thì làm sao có thể vươn ra chiếm lĩnh đại dương được. Từ sự thức tỉnh muộn màng ý thức tiến ra biển khơi đến khi nhà Thanh bắt đầu có chủ trương chiếm lĩnh các hải đảo trên Biển Đông là cả một chặng đường trù tính, chuẩn bị lâu dài đến gần một thế kỷ.

Chiến lược biển của Trung Quốc ra đời trong bối cảnh Trung Quốc đang bị bao vây và tấn công từ hướng biển, nên hết sức lúng túng, mâu thuẫn, dò dẫm thử nghiệm và hiệu quả thực tế rất thấp.

Đúng vào thời điểm đó, ở Anh, nhà Địa lý học Halford John Mackinder (1860-1947), lại nhìn ra “mối nguy màu vàng còn có thể gây nguy hiểm cho tự do của thế giới hơn cả nước Nga, kẻ đang nắm giữ vùng trục xoay, bởi bên cạnh một lãnh thổ lục địa rộng lớn, Trung Quốc còn có một vùng

*GS.TS. Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội

duyên hải rất dài” (1). Ông lý giải, trong khi nước Nga là một cường quốc lục địa với mặt tiền đại dương duy nhất bị chặn bởi lớp băng của Bắc Băng Dương, Trung Quốc là một sức mạnh có tầm cỡ đại lục, nhưng nó thực sự có thể tới vùng lõi Trung Á chiến lược của Liên Xô cũ, với tất cả những khoáng sản và tài nguyên dầu khí giàu có ở đó, lại còn vươn tới được những tuyến đường biển chính trên Thái Bình Dương cách nơi này tới 5.200km, nơi Trung Quốc được trời phú cho một đường bờ dài 15.000km với nhiều hải cảng tự nhiên tốt, phần nhiều không bị đóng băng. Ông sợ rằng một ngày kia Trung Quốc sẽ chinh phục nước Nga (2).

Lý thuyết của Mackinder đến nay đã được kiểm chứng. Đó là sự trỗi dậy của Trung Quốc, tổng hợp, kết hợp sức mạnh của truyền thống và hiện đại, sức mạnh của dân tộc Trung Hoa với sức mạnh của thế giới toàn cầu hóa, sức mạnh của đại lục với sức mạnh của đại dương ở những thập kỷ đầu thế kỷ XXI - thế kỷ của đại dương.

Theo Quy hoạch 5 năm lần thứ 13 (2016-2020), chiến lược *Một vòng đai, một con đường* là một trong 3 chiến lược lớn của Trung Quốc. Đây là chiến lược xuyên lục địa và xuyên đại dương, mang tầm thế kỷ, với tham vọng chiến lược địa - chính trị của Trung Quốc muốn giành cả “lục quyền” (quyền lực trên đại lục) và “hải quyền” (quyền lực trên đại dương) của Hoa Kỳ để trở thành bá chủ thế giới. Về phía nội địa Trung Quốc, *Con đường tơ lụa trên biển* thế kỷ XXI lấy Phúc Kiến làm hạt nhân đi ngang qua Biển Đông đến Ấn Độ Dương và kết nối với *Vành đai kinh tế Con đường tơ lụa* lấy Tân Cương làm hạt nhân, nhằm thực hiện một sự kết nối rộng lớn hơn giữa Trung Quốc đại lục với các lục địa Á - Âu đến tận châu Phi. Để thực hiện mục tiêu

này, họ không ngần ngại tuyên bố Trung Quốc có *lợi ích cốt lõi trên Biển Đông*, coi Biển Đông chỉ là vùng nội thủy, là cái ao riêng của Trung Quốc.

Biển Đông là nơi chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên biển quan trọng cho đời sống và sự phát triển kinh tế của các nước xung quanh, đặc biệt là nguồn tài nguyên sinh vật, khoáng sản, du lịch, đồng thời đây cũng là khu vực đang chịu nhiều sức ép về bảo vệ môi trường sinh thái biển. Biển Đông là “cầu nối” hai đại dương là Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, nối châu Âu và Trung Đông với châu Á thông qua tuyến hàng hải quốc tế huyết mạch. Ngoài ra, trong phạm vi Biển Đông còn có 5 tuyến hàng hải cấp khu vực và nhiều tuyến hàng hải cấp quốc gia. Đây là khu vực có các đường biển nhộn nhịp vào hàng thứ hai trên thế giới, sau Địa Trung Hải. Khu vực Đông Nam Á có 536 cảng biển, trong đó có 2 cảng lớn và hiện đại cấp thế giới nằm trong khu vực Biển Đông là Singapore và Hồng Kông.

Biển Đông không chỉ nằm trên trực đường giao nhau giữa Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương mà còn cả giữa châu Á - châu Úc, ở ngay từ các trực và vòng đai hợp tác kinh tế Đông Bắc Á, Trung Á, Nam Á và Đông Nam Á, đóng vai trò quan trọng trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và phát triển thương mại quốc tế. Chiến lược một trực hai cánh của Trung Quốc có thể hiểu như lấy Biển Đông làm trực, hai cánh là Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, trong đó eo biển Đài Loan ở phía Đông Bắc và eo biển Malacca phía Tây Nam trấn giữ các lối ra vào ở phía Nam và phía Bắc, có giá trị về chính trị, chiến lược quân sự hết sức quan trọng. Biển Đông là nơi liên kết thị trường phía Nam của Trung Quốc với khối ASEAN có vai trò chiến lược ngày càng quan trọng trong hợp tác kinh tế thế kỷ XXI, là

Quốc phải chiếm cho bằng được toàn bộ Biển Đông, lấy Biển Đông làm hậu cứ, làm bàn đạp bành trướng ra khu vực Thái Bình Dương và Ánh Độ Dương, hoàn thành mục tiêu thế kỷ *Một vành đai, một con đường*, xóa bỏ cấu trúc an ninh hiện hành và thiết lập cấu trúc an ninh mới, trong đó Trung Quốc giữ vai trò định đoạt, buộc cả Hoa Kỳ, các cường quốc và tất cả các nước trong, ngoài khu vực đều phải tuân thủ. Tham vọng đến tận đỉnh này của Trung Quốc đã gây ảnh hưởng lớn đến tất cả các nước có quyền lợi trên Biển Đông, đe dọa trực tiếp sự nghiệp bảo vệ quyền và lợi ích của Việt Nam trên Biển Đông.

2. Những thách thức đối với chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông

Việt Nam nằm ở phía Đông bán đảo Đông Dương, có địa thế tựa lưng vào núi, ngoảnh mặt ra biển. Biển Việt Nam được gọi là Biển Đông với ý nghĩa hết sức giản đơn là biển bao lấy toàn bộ mặt Đông của đất nước. Biển Đông là nhịp cầu nối liền Đông Nam Á lục địa với Đông Nam Á hải đảo, là giao điểm các nền văn hóa, văn minh lớn của khu vực và thế giới. Biển Đông Việt Nam nằm trên đường hàng hải quốc tế từ tây sang đông, từ nam lên bắc nên giữ một vị thế địa - chính trị, địa - kinh tế và địa - văn hóa hết sức đặc biệt.

Biển và hải đảo Việt Nam là không gian sinh tồn và phát triển của cộng đồng người Việt Nam, là cánh cửa mở ra với thế giới của quốc gia dân tộc, là nguồn lực hết sức to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử.

Lịch sử Việt Nam được mở đầu bằng sự ra đời của 3 vương quốc cổ đại đầu tiên là là nước Văn Lang - Âu Lạc ở miền Bắc, nước Lâm Ấp - Champa ở miền Trung và nước Phù Nam ở miền Nam. Các vương quốc này cùng có chung một dải Biển Đông,

dù tự nhận nguồn gốc biển của mình và trong thực tế biển đã giữ vai trò hết sức quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, là nhân tố quyết định không chỉ sự hình thành mà cả sự hưng thịnh hay thậm chí là sự suy tàn của mỗi vương quốc. Lịch sử Việt Nam do được tích hợp ít nhất từ 3 dòng như thế, tuy mỗi khu vực vẫn bảo tồn những nét truyền thống riêng, nhưng cũng sớm định hình một xu thế thống nhất của một dòng chảy chủ đạo là từ Văn Lang - Âu Lạc trải qua 1.000 năm Bắc thuộc và chống Bắc thuộc đến Đại Việt - Đại Nam và Việt Nam. Lịch sử Việt Nam, vì thế, lại có một quy luật vận động riêng, trong đó năng lực khai chiếm các vùng biển đảo trở thành thước đo sức mạnh và vị thế của một vương triều hay một thời đại.

Biển Đông trong quan niệm của người Việt là vô cùng lớn lao nhưng cũng không phải là không thể chinh phục được. Tục ngữ Việt Nam ngợi ca tình đoàn kết, sức mạnh đồng thuận: "Thuận vợ thuận chồng tát Biển Đông cung cạn/Thuận bè thuận bạn tát cạn Biển Đông".

Nguyễn Bỉnh Khiêm là một bậc hiền triết thông kim bác cổ, một đại diện kiệt xuất nhất của trí tuệ Việt Nam thế kỷ XVI, hơn ai hết đã hiểu được nguồn năng lực dồi dào từ Biển Đông mang lại và cái căn cốt sức sống đất nước phải cậy nhờ ở biển cả, đã nêu thành minh triết, thành nguyên tắc sinh tồn Việt Nam: "Biển Đông vạn dặm giang tay giữ/Dất Việt muôn năm vững trị bình" (7).

Nếu giữ được Biển Đông thì Việt Nam muôn thuở ổn định, hòa bình và thịnh vượng. Nếu để mất Biển Đông, Việt Nam sẽ mất tất cả. Đây là bài học xương máu được đúc rút từ lịch sử nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, là vốn liếng, là hành trang vô giá để các thế hệ sau tiếp nối sự nghiệp của tổ tông, đưa

đường thông ra biển và là không gian thị trường quan trọng của Trung Quốc ở phía Tây, nhất là khu vực phía Tây Nam (3).

Từ góc độ Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982, Biển Đông là khu vực đặc thù, chưa đựng tất cả các nội dung liên quan của Công ước này như quốc gia ven biển, quốc gia quần đảo, nước không có biển, nước bất lợi về mặt địa lý, các vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia, vùng nước lịch sử, vùng đánh cá, phân định biển, vấn đề biển kín và nửa kín, eo biển quốc tế, hợp tác quản lý tài nguyên sinh vật, các đàn cá di cư xa và đàn cá xuyên biên giới, khai thác chung, bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học biển, chống cướp biển, an toàn hàng hải, tìm kiếm cứu nạn... Sự xuất hiện khái niệm thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế, đã làm cho hầu hết Biển Đông bị bao phủ bởi vùng biển thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của các nước ven Biển Đông. Kết quả là nhiều nước trước đây vốn cách trở nay trở thành quốc gia cùng chia sẻ đường biên giới biển chung và làm cho Biển Đông trở thành một biển chứa đựng nhiều tranh chấp biển, trong đó tranh chấp trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc loại phức tạp và có nhiều quốc gia liên quan nhất thế giới. Các tranh chấp ở Biển Đông không những ảnh hưởng đến quan hệ giữa các nước có liên quan, mà còn ảnh hưởng đến lợi ích của các nước khác, ảnh hưởng đến hòa bình, ổn định và sự hợp tác, phát triển của khu vực và thế giới (4).

Trung Quốc là một cường quốc lục địa đang vươn lên trở thành cường quốc biển, nên tư duy của các chiến lược gia Trung Quốc hiện nay, xét cho cùng vẫn là lấy tư duy bành trướng trên đất liền làm cơ sở xác lập tư duy bành trướng trên biển. Robert D.Kaplan xem Trung Quốc đang trong giai

đoạn đầu của quá trình trở thành một sức mạnh trên biển, lại vừa là một cường quốc lục địa là một sự thay đổi lớn trong khu vực, đã hoàn toàn có lý khi nhận xét: "Trên biển mà Trung Quốc vẫn tư duy theo những tiêu chí lãnh thổ, giống như bất kỳ quốc gia lục địa nào đang bị đe dọa: cố gắng bành trướng dưới dạng những vòng tròn đồng tâm theo cách mà Spykman đã nêu trước đây. Những khái niệm nó thường sử dụng, như "Chuỗi đảo thứ nhất" và "Chuỗi đảo thứ hai" đều mang bản chất lãnh thổ, nhưng trong những trường hợp này, nó xem như là phần mở rộng bằng quần đảo của đất liền Trung Quốc" (5).

Theo các chiến lược gia Trung Quốc, điều kiện tiên quyết để họ có thể trở thành cường quốc biển, cả trong lý thuyết lẫn thực tiễn là Trung Quốc buộc phải nắm giữ vai trò quyết định trên Biển Đông, làm chủ toàn bộ Biển Đông. Lawrence Prabhakar Williams cho rằng Biển Đông là nơi để Trung Quốc phục hồi hình ảnh dân tộc, vươn lên siêu cường thế giới, xóa bỏ một thế kỷ bị chủ nghĩa thực dân cai trị và những hiệp ước quốc tế bất công họ đã phải ký (6). Làm chủ toàn bộ Biển Đông, biến Biển Đông thành lợi ích cốt lõi, thành sân sau, thành "ao nhà", thành bàn đạp để Trung Quốc vươn ra chiếm lĩnh Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương đã trở thành nguyên tắc, thành chìa khóa vạn năng quyết định mọi thành bại của con đường thành cường quốc biển, thành bá chủ thế giới của Trung Quốc.

Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIX, với chiến thắng lịch sử của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình, chưa bao giờ Trung Quốc hội được các điều kiện thuận lợi để biến "Giác mộng Trung Hoa" thành hiện thực như trong thời điểm hiện nay. Bằng mọi cách, bằng mọi giá Trung

trang lịch sử chủ quyền của Việt Nam trên các quần đảo giữa Biển Đông lên một trình độ mới và cũng là cơ sở để Đảng và Nhà nước Việt Nam xây dựng *Chiến lược biển* và *Luật biển Việt Nam*.

Trên cơ sở triển khai chỉ thị số 20-CT/TW ngày 22-9-1997 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Hội nghị lần thứ tư BCHTW Đảng (khóa X) đã thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9-2-2007 về *chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020* với mục tiêu tổng quát là “phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh”. Cụ thể, đến năm 2020 phải xây dựng và phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 53-55% tổng GDP của cả nước. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống nhân dân vùng biển và ven biển; có thu nhập bình quân đầu người cao gấp hai lần so với thu nhập bình quân chung của cả nước. Cùng với xây dựng một số thương cảng quốc tế có tầm cỡ khu vực, hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh, một số khu kinh tế mạnh ở ven biển; xây dựng cơ quan quản lý tổng hợp thống nhất về biển có hiệu lực, hiệu quả, mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực về biển.

Ngày 21-6-2012 Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua *Luật Biển Việt Nam* gồm 7 chương, 55 điều, quy định về “đường cơ sở, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo,

quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và các quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển, quản lý và bảo vệ biển đảo”.

Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và *Luật biển Việt Nam năm 2012* đều được xây dựng trên nguyên tắc tôn trọng và phù hợp với *Công ước của Liên hiệp quốc về Luật biển năm 1982*. Mục 2 điều 2 của *Luật biển Việt Nam năm 2012* nói rõ: “Trường hợp quy định của Luật này khác với quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó”. Đây là phương thức hành xử tuyệt đối đúng của một quốc gia văn minh, thượng tôn pháp luật, không chỉ bảo đảm lợi ích quốc gia Việt Nam, mà còn bảo đảm lợi ích của các nước trong khu vực và lợi ích quốc tế trên Biển Đông. Tuy nhiên, tất cả các nội dung này đã bị Trung Quốc cực lực phản đối và nguy hiểm hơn, mặc dù là một trong những quốc gia đã phê chuẩn *Công ước của Liên hiệp quốc về Luật biển năm 1982*, nhưng Trung Quốc bất chấp, tự mình đứng ngoài, tự cho mình quyền tự tung, tự tác, hành xử hoàn toàn theo lợi ích riêng của mình.

Thách thức đầu tiên và to lớn nhất là Việt Nam đang bị mất dần và có nguy cơ mất hết chủ quyền trên Biển Đông. Việt Nam là quốc gia có bờ biển dài 3.260km, với chỉ số biển cao gấp 6 lần chỉ số trung bình của thế giới (8), lại từ rất sớm đã xác lập và thực thi chủ quyền trên các quần đảo ở giữa và nam Biển Đông, với tổng diện tích biển đảo gấp 3 lần diện tích đất liền. Con đường hình thành, phát triển và tồn tại của Việt Nam kể từ thời đại dựng nước cho đến nay là đồng thời kết hợp cả hai

nguồn lực đại lục và đại dương. Nếu con đường ra biển của Việt Nam bị chặn lại, trong bối cảnh tất cả các nguồn lực phát triển của thời đại đều dồn cả ra đại dương, thì rõ ràng Việt Nam sẽ mất đi cơ hội lớn nhất để tồn tại và phát triển. Như thế, nếu Trung Quốc quyết tâm thực hiện đến cùng một chiến lược biển được xây dựng theo tư duy bành trướng lãnh thổ như hiện nay thì nguy cơ tồn vong của quốc gia, dân tộc Việt Nam là khó tránh khỏi.

Trung Quốc nuôi tham vọng không chỉ toàn quyền chiếm giữ các hải đảo, mặt biển, mà cả trong lòng biển và bầu trời trên biển, nghĩa là toàn bộ Biển Đông hoàn toàn thuộc chủ quyền của Trung Quốc theo quy chế lãnh thổ lục địa. Tất nhiên không có một quốc gia nào lại có thể dễ dàng chấp nhận yêu sách cực kỳ phi lý của Trung Quốc, họ phản ứng theo các cách riêng phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của mỗi nước. Điều cần phải lưu ý Trung Quốc và tất cả các nước có yêu sách chủ quyền trên Biển Đông là Biển Đông không bao giờ thuộc về riêng một quốc gia nào. Biển Đông từ khi có con người xuất hiện cho đến nay và mãi mãi về sau vẫn là biển chung (công hải), với phần lớn diện tích do cộng đồng quốc tế khai thác và sử dụng, vì lợi ích chung.

Nhiều chuyên gia phân tích cho rằng hành động của Trung Quốc đã và sẽ tiếp tục dẫn đến sự tăng cường hiện diện của các siêu cường, cường quốc ở Biển Đông và là chất xúc tác làm sống lại những liên minh quân sự. Các tác giả Võ Văn Sen và Nguyễn Thế Trung thật có lý khi nhận định: “Biển Đông đang tiến về cục diện đa cực mà mỗi cực đều là siêu cường hay cường quốc đang trỗi dậy, muốn trỗi dậy hay thay đổi cục diện thế giới. Nhưng giữa các cực này lại phụ thuộc vào nhau về

kinh tế. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đó là biểu hiện của một cuộc chiến tranh lạnh kiểu mới giữa các nước lớn” (9). Ngay trong khu vực Đông Nam Á, vừa là do chính sách vận động, lôi kéo, vừa là chịu hậu quả của chủ trương độc chiếm Biển Đông của Trung Quốc, hình thành nên cục diện đa cực, mà nội bộ khu vực cũng đang có sự chia rẽ sâu sắc. Đây chắc chắn sẽ là tổn hại khó có thể lường hết được cho sự ổn định và phát triển không chỉ đối với Việt Nam, mà các nước xung quanh Biển Đông và cả khu vực Đông Nam Á.

Có thể dễ dàng nhận ra Trung Quốc tiến hành quân sự hóa trên Biển Đông, tăng cường răn đe các quốc gia không ủng hộ chính sách độc chiếm Biển Đông của mình, nhưng lại luôn luôn tìm cách tránh né để xảy ra xung đột vũ trang. Tất cả các dân tộc ưa chuộng hòa bình trên thế giới đều không trông đợi có một cuộc chiến tranh xảy ra trên Biển Đông dù ở quy mô nào. Tuy nhiên nếu Trung Quốc cứ tiếp tục đẩy nhanh quân sự hóa Biển Đông và triển khai các biện pháp bảo vệ “lợi ích cốt lõi” trên Biển Đông một cách cực đoan, trong bối cảnh nội bộ Đông Nam Á đang bị chia rẽ sâu sắc và cục diện đa cực đang hình thành, thì khó có thể nói trước được là nguy cơ xung đột vũ trang trên Biển Đông có thành hiện thực hay không. Nếu để xung đột vũ trang xảy ra thì thảm họa lớn nhất và đầu tiên sẽ thuộc về Trung Quốc, Việt Nam và tất cả các nước trong khu vực.

Điều rất đáng lo ngại là tình hình an ninh trên Biển Đông càng ngày càng trở nên phức tạp và khó lường, mà thực sự thiếu vắng cơ chế an ninh khu vực, cơ chế pháp lý quốc tế có đủ thẩm quyền và hiệu lực giải quyết các vấn đề nảy sinh. Trung Quốc, Việt Nam và hầu hết các nước trong khu vực đều đã chấp thuận lấy Công ước

Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982 làm cơ sở pháp lý giải quyết mọi tranh chấp trên Biển Đông, tuy nhiên Tòa Trọng tài Thường trực Liên hiệp quốc (PCA) lại không có chức năng giải quyết tranh chấp chủ quyền. “UNCLOS và Tòa Trọng tài quốc tế về luật biển vốn có nhiều hạn chế, tạo điều kiện cho Trung Quốc đứng ngoài vòng pháp luật. Đơn cử như những quyết định của Tòa Trọng tài quốc tế về luật biển có tính chất ràng buộc về mặt pháp lý, nhưng lại không ràng buộc thi hành. Biện dẫn vào đó, Bắc Kinh tuyên bố không công nhận quyền hạn xét xử của Tòa án quốc tế và không tham dự quy trình xét xử. Cùng với kết cấu an ninh khu vực chưa thực sự rõ ràng và thiếu ổn định, sự phi đối xứng về sức mạnh tổng hợp giữa các nước nhỏ trong ASEAN với Trung Quốc đã đưa các nước này rơi vào tình trạng bị chèn ép” (10).

Sau sự kiện Trung Quốc chiếm bãi Vành Khăn trên quần đảo Trường Sa vào năm 1995, ASEAN và Trung Quốc bắt đầu tiến hành đàm phán xây dựng *Bộ Quy tắc ứng xử tại Biển Đông* (Code of Conduct in the South China Sea - COC). Kết quả đầu tiên của quá trình đàm phán này là vào năm 2002, hai bên đã ký kết *Tuyên bố ứng xử của các bên tại Biển Đông* (Declaration on the Conduct of Parties in the South China Sea - DOC). Đây là sự cam kết duy trì nền hòa bình và ổn định trên Biển Đông, nhưng không có tính ràng buộc pháp lý, nên tình hình trên Biển Đông chỉ được “hạ nhiệt” ít năm, sau đó lại diễn biến hết sức căng thẳng và phức tạp. Nhận thấy sự thiếu hiệu lực của DOC, ASEAN và Trung Quốc

lại tiếp tục bàn định xây dựng COC có cơ chế ràng buộc hiệu quả, trên nguyên tắc tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh *Công ước Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982*, nhưng con đường để đi đến COC đã trải qua gần một phần tư thế kỷ, mà xem ra vẫn còn quá nhiều trắc trở, chưa biết đến khi nào mới tới đích. GS Carlyle A.Thayer (Viện Chiến lược Quốc phòng Australia) cho rằng COC sẽ không thể ký được nếu Trung Quốc không rút lại đường Lưỡi bò 9 đoạn ở Biển Đông. Bắc Kinh sẽ không dại gì đút đầu vào rọ mà ký COC (11). Con đường để đi đến COC đã khó đến thế, mà giả sử COC đã được ký rồi thì hiệu lực pháp lý của nó đến đâu và liệu có thể ngăn chặn được hành động phu lưu của một cường quốc bằng mọi giá phải làm bá chủ toàn bộ Biển Đông trước khi vươn ra làm bá chủ thế giới hay không, cũng là điều khó có thể lường trước được.

Trung Quốc đã là cường quốc đại lục và đang tiến gần đến cường quốc đại dương thông qua chiến lược *Một vành đai, một con đường*. Chiến lược *Một vành đai, một con đường* của Trung Quốc có khả năng kéo cả Việt Nam và Đông Nam Á vào guồng phát triển chung của khu vực và thế giới. Việt Nam vì thế cũng nên xem đây là một cơ hội cho phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế trên nguyên tắc phải giữ cho bằng được hòa bình, an ninh, ổn định và toàn vẹn lãnh thổ. Đây là bài toán vô cùng khó, nhưng không thể không tìm ra lời giải thỏa đáng, vì chỉ cần một tính toán không chuẩn xác là có thể sẽ mất hết tất cả.

CHÚ THÍCH

(1). Dẫn theo Robert D. Kaplan, *Sự minh định của địa lý*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2017, tr.261.

(2). Dẫn theo Robert D. Kaplan, *Sự minh định của địa lý*, sđd, tr.262. Robert D. Kaplan còn so sánh Trung Quốc với Brazil và cho rằng Trung Quốc quan trọng hơn Brazil rất nhiều “là bởi vì vị trí địa lý: thậm chí giả như có cùng mức độ tăng trưởng kinh tế như Trung Quốc và cùng cỡ về dân số, Brazil không bao quát những tuyến giao thông chủ chốt trên biển nối các đại dương và các châu lục như Trung Quốc; Brazil cũng không nằm chủ yếu ở ôn đới như Trung Quốc, với một khí hậu ít bệnh tật hơn và có tác dụng tiếp sinh lực hơn. Trung Quốc quay mặt ra Tây Thái Bình Dương và ăn sâu trên đất liền với vùng Trung Á giàu có về dầu mỏ và khí tự nhiên. Brazil tạo ra ít lợi thế so sánh hơn. Nó nằm cô lập ở Nam Mỹ, về mặt địa lý bị đẩy ra khỏi những khối lục địa khác, cũng như xa những cường quốc lớn khác” (Robert D. Kaplan, *Sự minh định của địa lý*, sđd, tr.74).

(3). “Chiến lược phát triển Nam Hải của Trung Quốc”, Tạp chí “Khai thác và quản lý biển”, số 1-2008, dẫn theo Nguyễn Hồng Thảo, *Luật quốc tế và chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, Thông tin Nghiên cứu Chiến lược và Khoa học Công an, Hà Nội, 2010, tr.18-19.

(4). Nguyễn Hồng Thảo, *Luật quốc tế và chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa*, tlđd, tr.16-19.

(5). Robert D. Kaplan, *Sự minh định của địa lý*, sđd, tr.293-294.

(6). Từ năm 1840, quân đội các nước Nhật Bản, Anh, Mỹ, Pháp, Nga, Đức, Italia, Áo đã hơn 470

lần xâm chiếm vùng duyên hải Trung Quốc, ép Trung Quốc ký hơn 50 hiệp ước bất bình đẳng.

(7). Dẫn theo bản dịch và giới thiệu của Nguyễn Khắc Mai bài thơ *Cự ngao đồi sơn* trong *Bach Văn am thi tập* của Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585), Thư viện Quốc gia, ký hiệu R.2017.

(8). Ở Việt Nam cứ 100km^2 lãnh thổ đất liền thì có 1km bờ biển. Nếu so với tỷ lệ trung bình của thế giới (cứ 600km^2 lãnh thổ đất liền có 1km bờ biển) thì rõ ràng chỉ số biển của Việt Nam lớn hơn 6 lần so với chỉ số biển trung bình của thế giới. Hơn thế không có một địa phương nào trên toàn lãnh thổ Việt Nam lại cách bờ biển xa hơn 500km , nên bất cứ một địa điểm nào trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam cũng đều chịu tác động của “yếu tố biển” và “yếu tố biển” đều có thể phát huy ảnh hưởng đến mọi miền đất nước. Vì thế, dù là quốc gia bán đảo, nhưng trong quan niệm lâu đời và cả trong cuộc sống thực tế, Việt Nam bao giờ cũng là quốc gia biển. Điều này cũng có nghĩa có biển là có tất cả và mất biển cũng sẽ là mất tất cả.

(9). Võ Văn Sen, Nguyễn Thế Trung, *An ninh Biển Đông: Cách hành xử của các nước có liên quan*, Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ (*Khoa học xã hội & nhân văn*), tập 19, 2016, tr.19.

(10). Võ Văn Sen, Nguyễn Thế Trung, *An ninh Biển Đông: Cách hành xử của các nước có liên quan*, Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ (*Khoa học xã hội & nhân văn*), tập 19, 2016, tr.21.

(11). Dẫn theo Võ Văn Sen, Nguyễn Thế Trung (2016), *An ninh Biển Đông: Cách hành xử của các nước có liên quan*, Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ (*Khoa học xã hội & nhân văn*), tập 19, 2016, tr.23.